HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 40 /2016/NQ-HĐND	*Tây Ninh, ngày 09 tháng 12 năm 2016*

NGHỊ QUYẾT
Về mức hỗ trợ xây dựng cánh đồng lớn trên địa bàn tỉnh Tây Ninh

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH
KHÓA IX, KỲ HỌP THỨ 3

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Căn cứ Quyết định số 62/2013/QĐ-TTg ngày 25 tháng 10 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn;

Căn cứ Thông tư số 15/2014/TT-BNNPTNT ngày 29 tháng 4 năm 2014 của Bộ Nông nghiệp và PTNT hướng dẫn thực hiện một số điều tại Quyết định số 62/2013/QĐ-TTg ngày 25/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ;

Xét Tờ trình số 3272 /TTr-UBND ngày 18 tháng 11 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh về mức hỗ trợ xây dựng cánh đồng lớn trên địa bàn tỉnh Tây Ninh; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất thông qua về mức hỗ trợ xây dựng cánh đồng lớn trên địa bàn tỉnh Tây Ninh, cụ thể như sau:

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định về mức hỗ trợ xây dựng cánh đồng lớn trên địa bàn tỉnh Tây Ninh nhằm khuyến khích liên kết sản xuất gắn với chế biến và tiêu thụ nông sản thuộc các dự án cánh đồng lớn trong lĩnh vực trồng trọt được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

2. Đối tượng áp dụng

Các doanh nghiệp trong nước; hộ gia đình, cá nhân, trang trại (gọi chung là nông dân); hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (gọi chung là các tổ chức đại diện của nông dân).

3. Nguyên tắc hỗ trợ

Trong trường hợp cùng thời gian, một số nội dung có nhiều chính sách hỗ trợ từ các chương trình, dự án khác nhau thì đối tượng thụ hưởng được lựa chọn áp dụng một chính sách hỗ trợ có lợi nhất.

Điều 2. Mức hỗ trợ và điều kiện hưởng hỗ trợ

1. Mức hỗ trợ và điều kiện hưởng hỗ trợ đối với doanh nghiệp

a) Mức hỗ trợ:

Hỗ trợ 40% kinh phí thực hiện quy hoạch, cải tạo đồng ruộng, hoàn thiện hệ thống giao thông, thủy lợi nội đồng, hệ thống điện phục vụ sản xuất nông nghiệp trong dự án cánh đồng lớn nhưng không quá 01 tỷ đồng/dự án.

- Hỗ trợ 50% kinh phí tổ chức đào tạo và hướng dẫn kỹ thuật cho nông dân sản xuất nông sản theo hợp đồng, cụ thể: Tập huấn kỹ thuật theo quy định hiện hành của định mức khuyến nông; đào tạo theo Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27 tháng 11 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Đề án "Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020" và các quy định hiện hành của địa phương ***(chi tiết kèm theo phụ lục 01)***.

b) Điều kiện hưởng hỗ trợ:

Doanh nghiệp phải có hợp đồng trực tiếp hoặc liên kết với các doanh nghiệp khác để cung ứng vật tư, dịch vụ đầu vào phục vụ sản xuất, gắn với mua nông sản của hộ nông dân hoặc tổ chức đại diện của nông dân trong dự án cánh đồng lớn;

Có vùng nguyên liệu đảm bảo ít nhất 50% nhu cầu nguyên liệu và có hệ thống sơ chế, bảo quản, kho chứa, cơ sở chế biến đảm bảo yêu cầu sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp theo hợp đồng;

Có diện tích tối thiểu của dự án cánh đồng lớn theo quy định hiện hành;

Có dự án thực hiện các nội dung được hỗ trợ quy định tại Khoản 1 Điều này và được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

2. Mức hỗ trợ và điều kiện hưởng hỗ trợ các tổ chức đại diện của nông dân

a) Mức hỗ trợ:

Hỗ trợ 30% trong năm đầu và 20% năm thứ 2 chi phí thực tế về thuốc bảo vệ thực vật, công lao động, thuê máy để thực hiện dịch vụ bảo vệ thực vật chung cho các thành viên, mức hỗ trợ theo từng nhóm cây trồng ***(kèm theo phụ lục 02)***;

Hỗ trợ một lần 50% kinh phí tổ chức tập huấn cho cán bộ các hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã về quản lý, hợp đồng kinh tế, kỹ thuật sản xuất; bao gồm chi phí về ăn, ở, mua tài liệu, học phí theo Nghị quyết số 02/2013/NQ-HĐND ngày 20/3/2013 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh, khóa VIII, kỳ họp thứ 7 về chế độ tài chính hỗ trợ các sáng lập viên hợp tác xã chuẩn bị thành lập, các đối tượng đào tạo, bồi dưỡng của hợp tác xã, tổ hợp tác trên địa bàn tỉnh Tây Ninh hoặc theo mức quy định của cơ sở đào tạo;

Hỗ trợ 100% kinh phí tổ chức tập huấn và hướng dẫn kỹ thuật cho nông dân sản xuất nông sản theo hợp đồng; bao gồm chi phí về tài liệu, ăn, ở, đi lại, thuê hội trường, thù lao giảng viên, tham quan, mức chi theo quy định hiện hành của định mức khuyến nông là: 1.165.000 đồng/ lớp (số lượng 20 người/lớp).

b) Điều kiện hưởng hỗ trợ:

Có hợp đồng và thực hiện cung ứng đầu vào cho sản xuất hoặc tổ chức sản xuất hoặc tiêu thụ nông sản cho các hộ thành viên và nông dân trên địa bàn;

Có diện tích tối thiểu của dự án cánh đồng lớn theo quy định hiện hành;

Có dự án thực hiện các nội dung được hỗ trợ quy định tại Điểm a, Khoản 2 Điều này và được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

3. Mức hỗ trợ và điều kiện hưởng hỗ trợ đối với nông dân

a) Mức hỗ trợ:

Hỗ trợ một lần 30% chi phí mua giống cây trồng có phẩm cấp chất lượng từ giống xác nhận trở lên để gieo trồng vụ đầu tiên trong dự án cánh đồng lớn, mức hỗ trợ đối với nông dân ***(kèm theo phụ lục 03);***

Đối với một số cây trồng khác, khi nông dân có hợp đồng liên kết tham gia dự án cánh đồng lớn, mức hỗ trợ giống tùy theo từng loại cây trồng tính theo đơn giá ghi trên hóa đơn mua giống tại thời điểm mua.

b) Điều kiện hưởng hỗ trợ:

Hộ nông dân cam kết thực hiện sản xuất và bán nông sản theo đúng hợp đồng liên kết đã ký và được Ủy ban nhân dân xã xác nhận.

4. Thời gian thực hiện và lộ trình xây dựng nhu cầu nguyên liệu

a) Thời gian thực hiện các dự án cánh đồng lớn từ năm 2017 đến năm 2025 như sau:

Đối với cây trồng hàng năm là 5 năm;

Đối với cây trồng lâu năm là 7 năm.

b) Lộ trình xây dựng nhu cầu nguyên liệu

Các doanh nghiệp, tổ chức đại diện của nông dân tham gia dự án cánh đồng lớn trên địa bàn tỉnh phải có lộ trình xây dựng nhu cầu nguyên liệu cánh đồng lớn theo quy định tại Khoản 6 Điều 5 của Thông tư số 15/2014/TT-BNNPTNT ngày 29/4/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

5. Nguồn kinh phí thực hiện

- Ngân sách trung ương: Hỗ trợ thông qua các chương trình, dự án trực tiếp và lồng ghép các chương trình, dự án có liên quan;

- Ngân sách địa phương và các nguồn vốn hợp pháp khác hỗ trợ các đối tượng tham gia dự án cánh đồng lớn theo quy định hiện hành được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, các Sở ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố triển khai thực hiện việc hỗ trợ các đối tượng theo quy định.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết, định kỳ có đánh giá, báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh kết quả thực hiện; phê duyệt các dự án cánh đồng lớn theo quy định để hỗ trợ các doanh nghiệp, tổ chức đại diện nông dân và nông dân tham gia cánh đồng lớn trên địa bàn tỉnh.

3. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức thành viên phối hợp chặt chẽ với các cơ quan quản lý nhà nước, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tuyên truyền, vận động, giám sát các tổ chức, cá nhân thực hiện đúng theo Nghị quyết này.

Điều 3. Điều khoản thi hành

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh Khóa IX, kỳ họp thứ 3 thông qua ngày 09 tháng 12 năm 2016 và có hiệu lực từ ngày 20 tháng 12 năm 2016./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thành Tâm

Nơi nhận:
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL-Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- HĐND, UBND huyện, thành phố;
- Báo Tây Ninh;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, VP. HĐND tỉnh.

Phụ lục 01

1. ĐỊNH MỨC CHI LỚP TẬP HUẤN HƯỚNG DẪN KỸ THUẬT CHO NÔNG DÂN SẢN XUẤT NÔNG SẢN THEO HỢP ĐỒNG

(Kèm theo Nghị quyết số 40/2016/NQ-HĐND ngày .09..tháng 12.năm 2016 về mức hỗ trợ xây dựng cánh đồng lớn trên địa bàn tỉnh Tây Ninh)

STT	Các nội dung chi	ĐVT	Số lượng	Đơn giá *(đồng)*	Thành tiền *(đồng)*	Ghi chú
1	Chi trang trí hội trường	Lớp	1	300.000	300.000	
2	Chi biên soạn tài liệu	Trang	5	25.000	125.000	
3	Chi photo tài liệu	Bộ	20	2.000	40.000	
4	Chi tiền ăn cho nông dân	Người	20	25.000	500.000	
5	Chi nước uống	Người	20	5.000	100.000	
6	Chi bồi dưỡng giảng viên	Lớp	1	100.000	100.000	
Tổng cộng					**1.165.000**	

2. ĐỊNH MỨC CHI LỚP TẬP HUẤN CHO CÁN BỘ HTX, LIÊN HIỆP HTX

STT	Các nội dung chi	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
1	Chi biên soạn tài liệu	Trang	50	45.000	2.250.000	
2	Chi thù lao giảng viên	Ngày	2	1.000.000	2.000.000	
3	Chi thuê xe đưa đón giảng viên	Ngày	2	500.000	1.000.000	
4	Chi tiền nghỉ cho giảng viên	Ngày	2	200.000	400.000	
5	Chi tiền thuê hội trường	Ngày	2	600.000	1.200.000	
6	Chi pho to tài liệu và đóng bìa	Bộ	50	20.000	1.000.000	
7	Chi tiền ăn cho HV (50 hv x 2 ngày)	Người	100	40.000	4.000.000	
8	Chi nước uống HV (50 hv x 2 ngày)	Người	100	10.000	1.000.000	
9	Chi tiền nghỉ HV (50 hv x 2 ngày)	Người	100	50.000	5.000.000	
10	Văn phòng phẩm và chi khác				400.000	
11	Chi tiền phục vụ lớp học	Ngày	2	100.000	200.000	
12	Cán bộ theo dõi quản lý lớp	ngày	2	50.000	100.000	
Tổng cộng					**18.550.000**	

3. ĐỊNH MỨC CHI LỚP ĐÀO TẠO CHO NÔNG DÂN SẢN XUẤT NÔNG SẢN THEO HỢP ĐỒNG

STT	Các nội dung chi	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
1	Chi hỗ trợ học viên	Ngày	22	15.000	330.000	
2	Chi thù lao giảng viên	Ngày	1	200.000	200.000	
3	Chi tổ chức lớp học	Ngày	22		70.000	
Tổng cộng					**600.000**	

Phụ lục 2

ĐỊNH MỨC CHI PHÍ BẢO VỆ THỰC VẬT CHUNG CHO CÁC THÀNH VIÊN TRONG DỰ ÁN CÁNH ĐỒNG LỚN

(Kèm theo Nghị quyết số 40/2016/NQ-HĐND ngày 09/12/2016 về mức hỗ trợ xây dựng cánh đồng lớn trên địa bàn tỉnh Tây Ninh)

STT	NHÓM CÂY TRỒNG	Chi phí thực tế *(đồng/ha)*	Mức hỗ trợ	
			Hỗ trợ năm đầu *(30%)*	Hỗ trợ năm thứ 2 *(20%)*
I	**NHÓM CÂY LƯƠNG THỰC**			
1	Cây lúa	4.000.000	1.200.000	800.000
2	Cây bắp	5.000.000	1.500.000	1.000.000
3	Cây mì	3.400.000	1.020.000	680.000
4	Cây lương thực khác	4.100.000	1.240.000	826.700
II	**NHÓM CÂY CÔNG NGHIỆP**			
1	Cây mía	4.000.000	1.200.000	800.000
2	Cây công nghiệp khác (Loại trừ cây cao su)	3.275.000	982.500	655.000
III	**NHÓM CÂY ĂN QUẢ**			
1	Cây nhãn	14.750.000	4.425.000	2.950.000
2	Cây xoài	14.000.000	4.200.000	2.800.000
3	Cây măng cầu	10.817.500	3.245.250	2.163.500
4	Cây cam, quýt, bưởi	8.020.000	2.406.000	1.604.000
5	Cây ăn quả khác	11.900.000	3.570.000	2.380.000
IV	**NHÓM CÂY RAU, CỦ, QUẢ**			
1	Rau ăn lá	5.655.000	1.696.500	1.131.000
2	Rau ăn quả	10.536.000	3.160.800	2.107.200
3	Cây rau, củ, quả khác	8.100.000	2.400.000	1.600.000
V	**NHÓM HOA, CÂY CẢNH**			
1	Hoa cắt cành	3.225.000	967.500	645.000
2	Hoa trồng từ củ	3.525.000	1.057.500	705.000
3	Hoa trồng chậu, thảm	57.000.000	17.100.000	11.400.000
4	Cây cảnh (Mai, quất…)	5.700.000	1.710.000	1.140.000
5	Cây hoa và cây cảnh khác	17.362.000	5.209.000	3.472.000
VI	**NHÓM CÂY DƯỢC LIỆU THƯƠNG PHẨM**	2.475.000	742.500	495.000

Phụ lục: 03

ĐỊNH MỨC GIỐNG, CÂY TRỒNG TRONG CÁC DỰ ÁN CÁNH ĐỒNG LỚN

(Kèm theo dự thảo Nghị quyết số 40 /2016/NQ-HĐND ngày 01 tháng 12 năm 2016 về mức hỗ trợ xây dựng cánh đồng lớn trên địa bàn tỉnh Tây Ninh)

STT	CÁC GIỐNG CÂY TRỒNG	MỨC HỖ TRỢ *(đồng/ha)*	Ghi chú
I	**NHÓM CÂY LƯƠNG THỰC**		Định mức sử dụng trên 01 ha
1	Cây lúa	396.000	
2	Cây mì	1.254.000	
3	Cây bắp	816.000	
4	Cây lương thực khác	822.000	
II	**NHÓM CÂY CÔNG NGHIỆP**		
1	Cây mía	3.000.000	
2	Đậu phộng	2.640.000	
3	Đậu xanh	405.000	
4	Cây công nghiệp khác	2.015.000	
III	**NHÓM CÂY ĂN QUẢ**		
1	Cây chuối	4.200.000	
2	Cây cam, quýt, bưởi	4.725.000	
3	Cây xoài	4.410.000	
4	Cây mãng cầu	1.575.000	
5	Cây thơm (dứa)	14.400.000	
6	Cây ăn quả khác	5.862.000	
IV	**NHÓM CÂY RAU, CỦ, QUẢ**		
1	Rau ăn quả		
	Bí đỏ	324.000	
	Bí xanh	810.000	
	Ớt	1.890.000	
	Khổ qua	1.215.000	
	Rau ăn quả khác	1.060.000	
2	Rau ăn lá		
	Cải bẹ	91.800	
	Cải ăn lá các loại	255.000	
	Rau ăn lá khác	173.000	